TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Minh

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số I, tổ F, ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số H, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2023, ngày 31/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Hoàng T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim T1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh vào ngày 30/11/2010.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau về tài chính nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2021 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T1.

Về nuôi con chung: Ông và bà T1 có với nhau hai người con chung tên Phạm Hoàng Minh T2, sinh ngày 07/02/2012 và Phạm Hoàng Bảo N, sinh ngày 06/4/2016 đang sống cùng bà T1. Khi ly hôn, ông đồng ý giao hai con chung cho bà T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông cam kết không có nợ chung.

Bà Nguyễn Thị Kim T1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Hoàng T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T1, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Kim T1 cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Phạm Hoàng T, bà Nguyễn Thị Kim T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T có đơn xin vắng mặt và bà T1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh vào ngày 30/11/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của ông T tịa biên bản hòa giải ngày 04/7/2023, quá trình chung sống vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau về tài chính của gia đình nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2021. Bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà T1 vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của ông T, thể hiện việc bà T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai đương sự không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T yêu cầu ly hôn với bà T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[3] Về nuôi con chung: Ông T và bà T1 có với nhau hai người con chung tên Phạm Hoàng Minh T2, sinh ngày 07/02/2012 và Phạm Hoàng Bảo N, sinh ngày 06/4/2016.

Khi ly hôn, ông T yêu cầu được giao hai con chung cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại hai con chung do bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cũng như nguyện vọng của các con chung mong muốn được sống cùng với mẹ. Do đó, cần giao hai con chung tên Phạm Hoàng Minh T2, sinh ngày 07/02/2012 và Phạm Hoàng Bảo N, sinh ngày 06/4/2016 cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kim T1.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Phạm Hoàng Minh T2, sinh ngày 07/02/2012 và Phạm Hoàng Bảo N, sinh ngày 06/4/2016 cho bà Nguyễn Thị Kim T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Phạm Hoàng T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Phạm Hoàng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006894 ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã S, huyện D, tỉnh T;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Duy